

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do– Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2020

*“V/v Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Minh Nga**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hạ**; ông **Nguyễn Văn Tôn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Hải Hà** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 7/9/2020 về việc: *“Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐST – HNGĐ ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th** - sinh năm: 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu 5, phường M, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên Tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trương Công D** - sinh năm 1979;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu 5, phường M, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020, bản tự khai, đơn xử án vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày nội dung thể hiện như sau:

Chị Th và anh Trương Công D có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn, chị và anh D về chung sống tại nhà của bố mẹ anh D ở tổ 3, khu 5, phường M, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể hòa hợp được, cuộc sống chung thực sự căng thẳng và mệt mỏi ảnh hưởng đến tâm lý của chị, hai người đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Chị và anh D đã nhiều lần cùng nhau khắc phục mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thay đổi được gì. Chị và anh D đã sống ly thân khoảng 06 tháng, chị và các con đã về quê

chị tại Nam Định sinh sống, chị và anh D mâu thuẫn không thể hòa giải, chị không còn tình cảm với anh D, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Quá trình chung sống chị và anh D có hai con chung là Trương Phương T - sinh ngày 08/8/2007; Trương Minh Đ - sinh ngày 15/11/2012. Khi ly hôn chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi thành niên. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Th có yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng/tháng đối với mỗi con chung, nhưng tại phiên hoà giải và tại đơn xin xử án vắng mặt chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng, bởi hiện nay chị có việc làm và thu nhập ổn định chị có khả năng tự nuôi con.

Về tài sản chung, chị Th và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công nợ chung không có.

Bị đơn là anh Trương Công D vắng mặt tại phiên Tòa, nhưng trong bản tự khai và tại phiên hòa giải anh D có quan điểm như sau: Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn giữa anh và chị Th như chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình anh D tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh những bất đồng, nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần lỗi là do anh D, anh nhận thức được trách nhiệm cũng như tình cảm dành cho vợ con, gia đình anh D đã thay đổi và có tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng. trước yêu cầu xin ly hôn của chị Th, anh D có quan điểm anh vẫn còn tình cảm với chị Th và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D và chị Th có hai con chung như chị Th trình bày, trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh D đồng ý để chị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Về tài sản chung: Anh D có quan điểm anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công nợ chung: không có.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 21/8/2020 tại khu 5, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả thể hiện nội dung: Chị Th và anh D sau khi kết hôn có thời gian chung sống cùng nhau và sống chung với bố mẹ anh D tại khu 5 phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, thời gian gần đây hai người đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, thời gian hai người ly thân chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, anh D đã đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trương Công D có nơi cư trú tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xử án vắng mặt; Bị đơn anh Trương Công D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trương Công D có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Th và anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như chị Th trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị Th xác định chị không còn tình cảm với anh D, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bị đơn là anh Trương Công D không có mặt tại phiên Tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm: Anh xác định anh có phần lỗi trong việc dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, bản thân anh đã chủ động khắc phục, anh vẫn còn tình cảm với vợ con, nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Th và anh D đã có những mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn này hai người đã ý thức tự giải quyết, được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị Th đã đưa hai con về quê sinh sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị Th và anh D về đoàn tụ gia đình nhưng chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn và chị khẳng định chị không còn tình cảm với anh D, hai người không thể chung sống hạnh phúc được nữa.

[3] Từ các dẫn chứng trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Th và anh D đã thực sự trầm trọng, mỗi người sống một nơi, tình trạng hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

[4] Về con chung: chị Th và anh D có hai con chung là Trương Phương T- sinh ngày 08/8/2007; Trương Minh Đ - sinh ngày 15/11/2012. Chị Th có quan điểm giao cho chị quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Đối với yêu cầu này của chị Th, Hội đồng xét xử xét thấy chị Th đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mặt khác tại bản tự khai và tại phiên hòa giải anh D có quan điểm nếu vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, mặt khác các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là tốt hơn cho các con chung; chị Th nhận trách nhiệm nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng, xét thấy đề nghị này là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh D đều có quan điểm tự thỏa thuận về phần tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trương Công D.

Giao cho chị Nguyễn Thị Th quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Trương Phương T - sinh ngày 08/8/2007; Trương Minh Đ - sinh ngày 15/11/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trương Công D không phải cấp dưỡng nuôi các con chung; anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005312 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi thành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND phường xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Minh Nga

Nguyễn Văn Hạ - Nguyễn Văn Tơn

Đặng Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Minh Nga

